TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Hưng và ông Dương Quý Sáng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Dần - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/4/ 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị K, sinh năm 1985
Địa chỉ: Bản K, xã V, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982
Địa chỉ: Bản K, xã V, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 24/3/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị K trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D về chung sống với nhau từ năm 2001 không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh D hay uống rượu về nhà gây sự chửi bới chị, mặc dù chị đã nhiều lần góp ý với anh nhưng anh không thay đổi tính nết. Từ tháng 6/2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và ly thân với anh D. Đến nay chị không còn tình cảm gì với anh D nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh D. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có hai con chung là Nguyễn Văn N sinh ngày 10/5/2002 và Nguyễn Văn D1 sinh ngày 17/12/2004. Hiện con chung của hai anh chị đã trưởng thành trên 18 tuổi phát triển bình thường nên chị không đề nghị Toà án giải quyết. Về tài sản và công nợ thì chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D, tại bản tự khai ngày 07/4/2023 anh D trình bày: Anh và chị K tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2001 không làm thủ tục đăng ký kết hôn, hai bên tổ chức cưới theo phong tục địa phương.

Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn xảy ra do bất đồng quan điểm trong làm ăn nuôi dạy con cái, cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên bảo nhưng anh chị không khắc phục được mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2022 đến nay không quan tâm tới nhau. Nay chị K xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị. Về con chung, anh D thừa nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn N sinh ngày 10/5/2002 và cháu Nguyễn Văn D1 sinh ngày 17/12/2004. Hiện con chung của hai anh chị đã trưởng thành trên 18 tuổi phát triển bình thường nên anh không đề nghị gì. Ngoài ra về tài sản và công nợ thì anh cũng không đề nghị Toà án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Toà án đã thông báo cho các bên tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng anh D không có mặt, đối với vụ án này Toà án không hoà giải do các bên không có đăng ký kết hôn. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nông Thị K có đơn yêu cầu giải quyết vụ án "Ly hôn" với anh Nguyễn Văn D, Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì chị Nông Thị K và anh Nguyễn Văn D đã tự nguyện về sống với nhau từ năm 2001 không làm thủ tục đăng ký kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Quá trình giải quyết vụ án anh chị đều thừa nhận cuộc sống chung có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi vã nhau và đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Theo xác nhận của UBND xã V thì việc anh chị không có đăng ký kết hôn là đúng sự thật, do đó hôn nhân của anh chị là không hợp pháp. Tại phiên toà hôm nay chị K giữ nguyên ý kiến xin ly hôn anh D, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị K là không thể chấp nhận bởi lẽ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận, căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử cần phải tuyên bố không công nhận chị K và anh D là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị K và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn N sinh ngày 10/5/2002 và cháu Nguyễn Văn D1 sinh ngày 17/12/2004. Anh chị đều thừa nhận hiện nay các con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử không công nhận chị Nông Thị K và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

2/ Về án phí: Chị Nông Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0001626 ngày 03/4/2023. Chị đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã kí)

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hoàng Thị Giang Thanh